

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

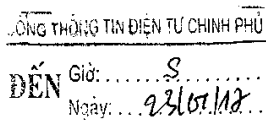
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng phà trên địa bàn tỉnh An Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 01 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng phà trên địa bàn tỉnh An Giang, tại các bến phà: An Hòa, Ô Môn, Mương Ranh, Năng Gù, Thuận Giang, Châu Giang, Khánh Bình, Tân Châu, Tân An trực thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) phà An Giang.

2. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Người đi bộ; người điều khiển: phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự;

b) Các đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng phà thuộc Công ty TNHH MTV phà An Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ và người thanh toán giá dịch vụ sử dụng phà

1. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ sử dụng phà bao gồm: người đi bộ, phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự.

2. Người thanh toán giá dịch vụ sử dụng phà bao gồm: người đi bộ; người điều khiển: phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự.

Điều 3. Giá dịch vụ sử dụng phà

1. Biểu mức thu giá dịch vụ sử dụng phà:

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức giá	
			Vé lượt	Vé tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	30.000
2	Hành khách đi xe đạp (kể cả xe đạp điện)	đồng/xe	2.000	60.000
3	Hành khách đi xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô 02 bánh, xe mô tô 03 bánh	đồng/xe	5.000	150.000
4	Xe lôi đạp, xe đẩy	đồng/xe	3.000	90.000
5	Xe thô sơ, xe ba gác và các loại xe tương tự	đồng/xe	7.000	210.000
6	Xe ô tô dưới 07 ghế, xe lam và các loại xe tương tự	đồng/xe	18.000	108.000
7	Xe ô tô từ 07 ghế đến dưới 12 ghế, xe tải dưới 3 tấn	đồng/xe	23.000	138.000
8	Xe ô tô từ 12 ghế đến dưới 15 ghế	đồng/xe	23.000	138.000
9	Xe ô tô 15 ghế, xe tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn	đồng/xe	30.000	174.000
10	Xe khách trên 15 ghế đến dưới 30 ghế	đồng/xe	35.000	
11	Xe khách từ 30 ghế đến dưới 45 ghế, xe tải từ 05 tấn đến dưới 07 tấn	đồng/xe	40.000	
12	Xe khách từ 45 ghế đến dưới 52 ghế	đồng/xe	45.000	
13	Xe khách từ 52 ghế trở lên, xe tải từ 07 tấn đến dưới 10 tấn, xe đông lạnh dưới 05 tấn	đồng/xe	60.000	
14	Xe đông lạnh từ 05 tấn đến dưới 07 tấn	đồng/xe	70.000	

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức giá	
			Vé lượt	Vé tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xe container 10 feet, xe tải từ 10 tấn đến dưới 15 tấn, xe đông lạnh từ 07 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/xe	80.000	
16	Xe container 20 feet, xe huyndai, xe cần cầu, xe tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn, xe đông lạnh từ 10 tấn đến dưới 15 tấn	đồng/xe	100.000	
17	Xe container 40 feet; xe tải từ 18 tấn trở lên; xe đông lạnh từ 15 tấn trở lên	đồng/xe	120.000	
18	Hàng hóa chở trên xe	đồng/tấn	5.000	
19	Thuê bao cả chuyến phà:			
	- Phà 15 tấn	đồng/chuyến	80.000	
	- Phà 30 tấn	đồng/chuyến	150.000	
	- Phà 60 tấn	đồng/chuyến	200.000	
	- Phà 100 tấn	đồng/chuyến	300.000	
	- Phà 200 tấn	đồng/chuyến	500.000	

2. Giá dịch vụ sử dụng phà nêu trên bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo hiểm hành khách theo quy định.

3. Mức thu vé tháng, vé năm chỉ áp dụng cho các đối tượng:

a) Hành khách đi bộ, xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe gắn máy (kể cả xe máy điện), xe mô tô, xe lôi đạp, xe đẩy, xe thô sơ, xe ba gác và các loại xe tương tự.

b) Xe ô tô của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh.

c) Người và phương tiện của cán bộ công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh mua vé tháng với mức 40.000 đồng/tháng.

4. Vé thu tiền dịch vụ sử dụng phà tại các bến phà bao gồm 03 loại: Vé lượt, vé tháng và vé năm:

a) Vé lượt: là vé có giá trị sử dụng dịch vụ sử dụng phà một lần cho một đối tượng phải trả tiền dịch vụ sử dụng phà.

b) Vé tháng: là vé có giá trị sử dụng dịch vụ sử dụng phà nhiều lần trong vòng 30 ngày, kể từ ngày bán ghi cụ thể trên vé đến ngày kết thúc thời hạn được ghi cụ thể trên vé.

c) Vé năm: là vé có giá trị sử dụng dịch vụ sử dụng phà nhiều lần trong vòng 01 năm, kể từ ngày bán ghi cụ thể trên vé đến ngày kết thúc thời hạn được ghi cụ thể trên vé. Mức thu vé năm được xác định bằng mức giá vé tháng x (nhân) với 12 (mười hai) tháng.

Điều 4. Đối tượng được miễn thu

1. Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.
2. Xe cứu hỏa.
3. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.
4. Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.
5. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.
6. Xe, đoàn xe đưa tang.
7. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.
8. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh.
9. Người và phương tiện đi lại của thương bệnh, bệnh binh, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi, người khuyết tật nặng.
10. Người và phương tiện đi lại của công an, quân đội.

Điều 5. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phà An Giang

1. Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết tại nơi bán vé) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, đối tượng được miễn thu, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định.
2. Tổ chức các điểm bán vé thuận tiện theo quy định: bố trí trạm thu thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông, tránh ùn tắc giao thông; bán kịp thời, đầy đủ các loại vé theo yêu cầu của người mua.
3. Có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế; thực hiện quản lý, sử dụng và hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện sử dụng chứng từ thu (được gọi chung là vé) theo quy định: việc in, phát hành, quản lý và sử dụng vé thực hiện theo hướng dẫn về hóa đơn bán hàng và cung ứng vụ của Bộ Tài chính.
5. Thực hiện duy tu, bảo dưỡng các bến phà bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan và địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải:
 - a) Chủ trì, phối hợp với Công ty TNHH MTV Phà An Giang và các cơ quan liên quan xây dựng phương án điều chỉnh mức giá dịch vụ qua phà phù hợp tình hình thực tế, bảo đảm khả năng chi trả hợp lý của người dân và hỗ trợ phát triển cho doanh nghiệp.

Việc điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Phà An Giang thực hiện giá dịch vụ qua phà theo Quyết định này;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm của các bến phà theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Phối hợp và thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh lân cận về phương án điều hành, mức giá dịch vụ để bảo đảm tính đồng bộ của vận tải hành khách, phương tiện giao thông đường bộ tại bến và trật tự an toàn trong quá trình khai thác đối với bến nằm trên sông, kênh là địa giới hành chính giữa các tỉnh lân cận.

đ) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết cho phù hợp.

2. Trách nhiệm của cơ quan thuế:

Hướng dẫn cho Công ty TNHH MTV Phà An Giang trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phà An Giang, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công ty TNHH Một thành viên phà An Giang;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH




Lê Văn Nung